TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **52/**2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07/05/2026
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hoàng Vũ

2. Ông Danh Sol

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Quách Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – An Giang: Không tham gia.

Trong ngày 07 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2026/QĐXX-TA ngày 15 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp C, xã V, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Võ Hồng D, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp C, xã V, tỉnh An Giang.

(Bà D, ông Đ điều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/03/2026 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Lâm Văn Đ trình bày:

Tôi và bà Võ Hồng D tự tìm hiểu yêu thương nhau cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2002 có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn, trong thời gian đầu tương đối hạnh phúc, chúng tôi chung sống được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, chúng tôi đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng

không còn hạnh phúc, không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này nữa, nên tôi yêu cầu ly hôn với bà Võ Hồng D.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung tên: 1/ Lâm Thị Mỹ K, sinh ngày 14/6/2005; 2/ Lâm Thị Kiều T, sinh ngày 18/05/2007 hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ chúng tôi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 01/04/2026 bị đơn bà Võ Hồng D có ý kiến trình bày:

Tôi thống nhất lời trình bày của ông Đ về quá trình hôn nhân giữa tôi với ông Đ, chúng tôi sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay ông Đ yêu cầu ly hôn, tôi đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, chúng tôi có 02 con chung 1/ Lâm Thị Mỹ K, sinh ngày 14/6/2005; 2/Lâm Thị Kiều Tiên, sinh ngày 18/05/2007 hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Lâm Văn Đ khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn bà Võ Hồng D. Đây là tranh chấp việc ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. *Về hôn nhân:* Ông Lâm Văn Đ và bà Võ Hồng D tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2002, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên về mặt pháp lý ông Đ và bà D không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lâm Văn Đ và bà Võ Hồng D theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng ông Đ và bà D có với nhau 02 người con chung: 1/ Lâm Thị Mỹ K, sinh ngày 14/6/2005 (giới tính nữ); 2/ Lâm Thị Kiều

T, sinh ngày 18/05/2007 (giới tính nữ) hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ:* Ông Đ, bà D xác nhận không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm xin ly hôn:* Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 302902 ngày 13/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông Đ không phải nộp thêm. Bà D không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ giữa ông Lâm Văn Đ với bà Võ Hồng D là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Vợ chồng ông Đ và bà D có với nhau 02 người con chung 1/ Lâm Thị Mỹ K, sinh ngày 14/6/2005 (giới tính nữ) ; 2/ Lâm Thị Kiều T, sinh ngày 18/05/2007 (giới tính nữ) hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ:* Ông Đ, bà D xác nhận không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông Lâm Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Lâm Văn Đ được khấu trừ án phí tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 302902 ngày 13/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. ông Đ không phải nộp thêm. Bà D không phải nộp án phí.

Báo cho đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm

ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;*
- *Viện kiểm sát ND Khu vực 6*
- *Phòng Thi hành án DS Khu vực 6;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi